

Chương V: Phạm vi cung cấp

Mục 1. Phạm vi và tiến độ cung cấp thuốc

Phạm vi và tiến độ cung cấp thuốc quy định tại Mẫu số 00, Chương IV - biểu mẫu dự thầu Phạm vi cung cấp thuốc và dịch vụ liên quan (nếu có)

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các thuốc cần cung cấp. Trong đó cần nêu rõ danh mục thuốc với số lượng và các thông tin cụ thể theo các Bảng phạm vi cung cấp, tiến độ cung cấp và yêu cầu về kỹ thuật của thuốc và được nêu tại Mẫu số 00 - Biểu mẫu dự thầu Chương IV.

Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật

2.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

Tên gói thầu: Gói thầu 01: Mua sắm Thuốc và bông băng năm 2026.

Thuộc Dự toán và Kế hoạch: Mua sắm Thuốc và bông băng năm 2026

Nội dung gói thầu: Mua sắm Thuốc và bông băng năm 2026

Giá gói thầu: 1.641.780.000 đồng

Địa điểm thực hiện: Bộ Tham mưu/QC Phòng không-Không quân – Địa chỉ: 167 Trường Chinh, P. Phương Liệt, Hà Nội.

Thời gian thực hiện gói thầu: 270 ngày.

Hình thức lựa chọn: nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi

Loại hợp đồng: Trọn gói

Tùy chọn mua thêm: 30%

Nguồn vốn: Ngân sách Quốc phòng

2.2. Yêu cầu về kỹ thuật chung:

Yêu cầu về thuốc (bao gồm: Tên hoạt chất, Nồng độ, Hàm lượng, Đường dùng, Dạng bào chế, Đơn vị tính và nhóm thuốc theo Bảng phạm vi cung cấp, tiến độ cung cấp và yêu cầu về kỹ thuật của thuốc. Thuốc phải đạt tiêu chuẩn chất lượng đã được Bộ Y tế cho phép lưu hành.

- Cam kết hàng hóa chính hãng, mới 100%.
- Cam kết có mặt xử lý sự cố trong vòng 24 giờ khi được thông báo của Chủ đầu tư.
- Cam kết hàng hóa bảo đảm chất lượng theo Quy chuẩn thuốc do Bộ Y tế ban hành.
- Cung cấp Bảng Đáp ứng thông số kỹ thuật của hàng hóa chào thầu: mô tả chi tiết thông số kỹ thuật, xuất xứ, ký mã hiệu, hãng sản xuất phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật nêu tại Chương V của E-HSMT và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V của E-HSMT.
- Nhà thầu đóng gói thuốc đúng yêu cầu của nhà sản xuất, phù hợp với phương tiện vận chuyển để chuyển hàng từ nơi xuất hàng tới địa điểm giao, chịu trách nhiệm vận chuyển, bàn giao hàng hóa đến: 167 Trường Chinh, P. Phương Liệt, Hà Nội
- Việc đóng gói phải bảo đảm thuốc được chuyển đến nơi giao hàng không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường.

2.3. Dự thầu giá trị gói thầu:

Gói thầu là gói thầu mua sắm thuốc qua mạng đấu thầu Quốc gia, do gói thầu là chỉ có 1 lô gồm nhiều mặt hàng thuốc, nên yêu cầu nhà thầu khi dự thầu trên mạng, nhà thầu dự thầu ở biểu đơn giá, sẽ dự giá tổng của lô hàng.

Nhà thầu điền đầy đủ bảng giá dự thầu theo nội dung biểu số 05 đính bản scan, nhà thầu scan gửi cùng E-HSDT theo yêu cầu tại **CDNT 11.8 và CDNT 5.1 Chương II. Bảng dữ liệu**

2.5. Yêu cầu về kỹ thuật khác

- Tất cả các mặt hàng tham dự thầu, nhà thầu phải có cam kết đảm bảo chất lượng. (ghi chú: có ký mã hiệu (nếu có), nhãn mác sản phẩm (nếu có), hãng sản xuất, xuất xứ theo đúng đề xuất trong E-HSDT.
- Cam kết về đơn giá chào thầu các mặt hàng thuốc không vượt quá giá kế hoạch.
- Cam kết thu hồi hàng hóa trong trường hợp đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền nhưng nguyên nhân không phải do nhà thầu.
- Cam kết trong quá trình đánh giá E-HSDT Chủ đầu tư có quyền kiểm tra hàng hóa do Nhà thầu chào thầu để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng bằng hoặc cao hơn so với yêu cầu của từng loại hàng hóa được nêu tại E-HSMT.

Lô thuốc của gói thầu gồm các mặt hàng thuốc sau:

BẢNG PHẠM VI CUNG CẤP, TIỀN ĐỘ CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT CỦA THUỐC

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiền độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
1	GN1	Vitamin C	500mg	Uống	Viên	Viên	4.000	325	4	270	Theo CDNT 18.2- Chương II: Bảng dữ liệu nhà thầu
2	GN2	Vitamin E	400UI	Uống	Viên	Viên	5.000	1.100		270	
3	GN3	Coenzyme Q10	100MG	Uống	viên nang mềm	Viên	5.500	9.500		270	
4	GN4	Cao khô actisoep,cao khô rau đắng đất,cao khô bìm bìm	170mg+128 mg+170mg	Uống	Viên nang mềm	Viên	5.000	1.950	4	270	
5	GN5	Glucosamine sulfate potassium chloride complex+chondroitin sulfate+fish oil-natural	500mg+11, 1mg+500mg	Uống	Viên nang mềm	Viên	5.500	5.500	1	270	
6	GN6	Neuropeptide và amino acid dưới dạng peptone từ protein não lợn	68mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	5.000	13.500		270	
7	GN7	Peptide(cerebrolysin concentrate),sodium hydroxide	215,2mg+2, 1mg	Truyền tĩnh mạch hoặc tiêm	Dạng dung dịch	Ống	1.300	110.000	1	270	
8	GN8	citicolin 500mg,magie oxid,vtm b6	500mg+40 mg+2mg	viên	viên nang	viên	5.000	9.500		270	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiền độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
9	GN9	Vitamin A Vitamin B1: 3.5mg Vitamin B2: 4mg Vitamin B6: 5mg Vitamin B12: 2.5µg Vitamin C: 150mg Vitamin D: 5µg Vitamin E: 24mg (α-TU) Folic acid: 450µg Vitamin K: 20µg Niacin: 18mg Biotin: 100µg Calcium: 120mg Magnesium: 57mg Chloride: 0.9mg Chromium: 25µg Iron 2.1:mg Iodine: 100µg Potassium: 10mg Cooper: 0.9mg Manganese: 0.9mg Sodium: 0.1mg Molybdate: 20µg Phosphate: 92mg Pantothenic acid: 12mg Selenium: 10µg	24+450+20 +18+12+12 0+57+25+2, 1+100+10+ 0.9+0.9+20 +92+10+5	uống	viên nén	viên	4.500	10.500		270	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiền độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
10	GN10	glutathione,acid alpha lipoic,vtm c	500mg+50 mg+250mg	uống	viên nang	viên	5.000	10.300		270	
11	GN11	nhân sâm,đăng sâm,thực địa,đỉnh lăng,ba kích,ginko biloba linh chi,đông trùng hạ thảo, vtm b1,vtm b2,vtm b6 sữa ong chúa	150+120+120+80+80+40+30+30+1,5+1,5+1,5+1	uống	viên nang mềm	viên	6.500	1.000		270	
12	GN12	Calcium carbonat, Tricalcium phosphate, Vitamin D3, Vitamin K1.	600mg ; 75iu ; 5iu	uống	viên nén	viên	6.000	5.625		270	
13	GN13	cây kế sữa	38000mg	uống	viên nang	viên	5.600	5.900		270	
14	GN14	chiết xuất lá ginkgo biloba	40mg	uống	viên nén	viên	4.000	4.400	1	270	
15	GN15	cao bạch truật,cao bạch thược,cao bạch phục linh,cao hoàng bá	200mg+50 mg+50mg+50mg	uống	viên nén	viên	5.800	9.000		270	
16	GN16	cao bạch quả,ubidecarenon(q10)	6000mg+50 mg	uống	viên nang	viên	6.300	5.800		270	
17	GN17	glucosamine hydrochloride+sụn cá mập	1500mg+250mg	uống	viên nén	viên	5.000	6.250		270	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiền độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
18	GN18	silymarin,l-ornithin,l-methionin,phosphatidylcholine,l-glutathione,inositol,vitamin e,vitamin b1,vitamin b2,vitamin b6	400mg+200mg+60mg+50mg+50mg+30mg+10mg+4mg+4mg+4mg	uống	viên nang mềm	viên	5.500	6.500		270	
19	GN19	Glucosamin sulphate.2KCL,methylsulfonylmethane,pepid collagen,collagen type II	1500mg+200mg+400mg+5mcg(100%)+1mg(50%)+1mg(100%)+60mg+120mg	uống	viên nang	viên	4.000	3.700		270	
20	GN20	bột đông trùng hạ thảo	500mg	uống	viên nang	viên	4.100	8.000		270	
21	GN21	bilberry extract,tageetes erecta extract,beta carotene,vitamin b1,vitamin b6,zinc,copper	100mg+25mg+2000iu+1,7mg+1mg+15mg+2mg	uống	viên nang	viên	6.000	3.500		270	
22	GN22	dầu cá biển, axit béo omega-3,epa,dha,vitamin e,vitamin b6,axit folic vitamin b12	2000mg+600mg+360mg+240+20mg+6mg+600ug+6ug	uống	viên nang	viên	4.000	9.100		270	
23	GN23	Vitamin A 3500 IU, Vitamin C 60 mg, Vitamin D 400 IU,	60mg+400iu+30iu+25mcg+1,5mg	uống	viên nén	viên	4.500	2.650		270	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiền độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
		Vitamin E (dl-alpha tocopheryl acetat) 30 IU, Vitamin K 25 mcg, Thiamin (B1) 1,5 mg, Riboflavin (B2) 1,7 mg, Niacin (B3) 20 mg, Vitamin B6 2 mg, Acid folic 400 mcg, Vitamin B12 6 mcg, Biotin 30 mcg, Acid pantothenic 10 mg, Selen (dưới dạng Natri selenat) 55 mcg, Iod (dưới dạng kali iodid) 150 mcg, Calci (dưới dạng dicalci phosphat, carbonat) 200 mg, Sắt (dưới dạng sắt fumarat) 18 mg, Phospho (dưới dạng dicalci phosphat) 20 mg, Magnesium (dưới dạng magnesi oxid) 50 mg, Kẽm (dưới dạng kẽm oxid) 11 mg, Đồng (dưới dạng đồng sulfat) 0,5 mg, Manganese (dưới	+1,7+20mg +2mg+400 mcg+6mcg +30mcg+10 mg+55mcg +150mcg+2 00mg+18m g+20mg+50 mg+11mg+ 0,5mg+2,3 mg+80mg+ 72mg+35m cg+45mcg+ 5mcg+2mg +10mcg+75 mcg								

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
		dạng sulfat) 2,3 mg, Kali (dưới dạng kali clorid) 80 mg, Chlorid (dưới dạng kali clorid) 72 mg, Chrom 35 mcg, Molybden (dưới dạng natri molybdat) 45 mcg, Niken (dưới dạng sulfat) 5 mcg, Thiếc (dưới dạng clorid) 10 mcg, Silicon (dioxid) 2 mg, Vanadi (dưới dạng natri metavanadat) 10 mcg, Boron (acid boric) 75 mcg. Vegetable Cellulose, Crospovidone, FD&C Yellow #6 Lake (INS 110), Titanium Dioxid, Vegetable magnesium stearate, Starch.									
24	GN24	magnesi, vtm c, vtm e, vtm b3, sắt, kẽm, pantothenic acid, mangan, vtm a, vitamin b6, vitamin b1, đồng, vtm b2, vtm	56,25mg+80mg+12mg+1705mg+4,35mg+10mg+6,3mg+2mg+2666,4i	uống	viên nén	viên	5.000	7.000		270	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiền độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
		b9,selen,biotin,vtm d3,vtm b12	u+2,8mg+2,1mg+1mg+2,2mg+								
25	GN25	Albumin,hydrolyzed peptide,betaglucan,l-arginine,immunepath ip,l-isoleucine,l-cysteine,l-methionine,l-alanine,alpha lipoic acid	500mg+100mg+80mg+54mg+35mg+30mg+22mg+18mg+10mg	uống	viên nang mềm	viên	6.000	4.000		270	
26	GN26	vitamin e,viatmin c,folic acid, vitamin b1,vitamin b2,niacin,vitamin b6,vitamin b12,pantothenic acid	30iu+750mg+400mcg+15mg+100mg+20mg+12mcg+20mg	uống	viên nang	viên	5.400	1.400	4	270	
27	GN27	Pyridoxine (vitamin B6) 1.5mg	500mg+50mg+20mg+50mg+20mg+5mg+5mcg	uống	viên nén	viên	5.000	2.400	4	270	
28	GN28	Vitamin A Vitamin E Vitamin B2 Vitamin C Kẽm lutein Zeaxanthin	100+100+100+5Mg+10mg+500ug	uống	viên nang mềm	viên	4.000	9.000		270	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiền độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
29	GN29	Coenzyme Q10 Chiết xuất sơn trà Vitamin b1 Vitamin B6 Vitamin b12	30mg+50mg+0,55mg+0,7mg+1,25ug	uống	viên nang mềm	viên	3.000	9.000		270	
30	GN30	Vitamin C KẼM	300mg+5mg	uống	viên nang mềm	viên	3.500	9.800		270	
31	GN31	Omega-3 fatty acids thereof DHA Beta-Carotene Vitamin E Vitamin D3 Vitamin C Pantothenic acid Vitamin B1 Vitamin B2 Vitamin B6 Folic acid Biotin Niacin Vitamin B12 Iron Magnesium Zinc Copper Iodine	176mg+126mg+2mg+12mg+5mcg+80mg+6mg+1,2mg+1,5mg+2mg+400mcg+60mcg+15mg+2mcg+14mg+60mg+5mg+1mg+150mcg	uống	viên nén	viên	4.000	10.600		270	
32	GN32	Threonin 5mg	28mg+400mcg+40mg	uống	viên nén	viên	2.500	9.000		270	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiền độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
			+1,4mg+2,5 mcg								
33	GN33	Phenylalanine 5mg	500mg+120 mg+55mg+800ug+2ug +160ug+8ug	uống	viên nang cứng	viên	4.000	5.300	1	270	
34	GN34	Glucosamine sulfate kết tinh 1884 mg (tương ứng 1500 mg glucosamine sulfate (trong đó có 1178 mg glucosamine) và 384 mg natri chlorid)	1884mg+384mg	uống	gói thuốc bột	gói	3.500	16.000	1	270	
35	GN35	coenzyme q-10,vitamin e,omega3,6,9,glutathione	100mg+10 mg+1mg+1 mg	uống	viên nang mềm	viên	3.000	9.000		270	
36	GN36	ubidecarenon ,d-alpha-tocopherol	30mg+6,71 mg	uống	viên nang mềm	viên	3.000	7.400	1	270	
37	GN37	cao boganic gacp,glutathion,silymarin,riboflavin,selen	100mg+150 mg+50mg+4mg+20ug	uống	viên nang	viên	3.200	7.000		270	
38	GN38	Cholin bitartrat 250mg (tương đương Cholin 100mg); Magnesium citrate 100mg; Chiết xuất lá bạch quả (24%	80mg+2mg +2mg+5mg +100mg+100mg	uống	viên nén	viên	3.600	9.400		270	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiền độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
		flavonoids, 6% terpen lacton) 80mg; pyridoxine HCl 6,5mg (tương đương Vitamin B6 5mg); Thiamin HCl 2,5mg (tương đương Vitamin B1 2mg); Riboflavin 98% 2,1mg (tương đương Vitamin B2 2mg).									
39	GN39	Vitamin E (As-dl Alpha tocopheryl Acetat)	400iu	uống	viên nang	viên	3.000	2.500		270	
40	GN40	chiết xuất nhân sâm hàn quốc,chiết xuất nấm linh chi,bột nhung hươu,dầu cọ,sáp ong,dl-tocopherol actate,vitamin b1,vitamin b2,dầu đậu nành,	66,4mg+16,6mg+0,83mg+124,5mg+41,5mg+0,83mg+8,3mg+0,83mg+569,38mg	uống	viên nang	viên	5.000	1.750		270	
41	GN41	Chiết xuất Atiso, Chiết Xuất cây kê sữa, kẽm, vitamin b5, vitamin b2, vitamin b6, vitamin b1	250mg(tương đương >5mg polyphenols)+ 25mg>16mg	uống	viên nang	Viên	3.000	10.300		270	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiền độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
			flavonolignans)+ 5mg +3mg + 0,7mg+0,7 mg+0,55mg								
42	GN42	Lithothamnion (30% calcium; 2,2% magnesium) Magnesium Oxide (58% magnesium) Calcium Gluconate (8.8% Calcium) Zinc Oxide (80% Zinc) Vitamin C (As Ascorbic acid) Vitamin D (as cholecalciferol) Vitamin K2 (as menaquinone-7)	400mg+200 mg+100mg +5mg+5mg +10mcg+4. 5mcg	uống	viên nang	Viên	3.500	4.750		270	
43	GN43	Iron Zinc Vitamin B12 Vitamin B6 Vitamin B2 Copper	20mg +5mg+400 mcg+2,5mc g+1,4mg+1, 4mg+0,5mg	uống	viên nén	Viên	3.000	10.500		270	
44	GN44	Ginkgo biloba extract equivalent dry leaves equivalent flavonol	100 mg 5000 mg 30 mg	uống	viên nang	Viên	3.500	10.500		270	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiền độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
		glycosides equivalent ginkgolides and bilobalide Choline Vitamin B1 Vitamin B2 Pantothenic acid Folic acid Vitamin B12 Zinc	5 mg 100 mg 2.1 mg 2.4 mg 6 mg 400mcg 15 mcg 2.5 mg								
45	GN45	Silymarin L-ornithin hydrochloride L-Methionin Chaga (Inonotus obliquus fungus) L-Glutathione Inositol Vitamin E Vitamin b1 Vitamin b2	210mg+100 mg+30mg+ 30mg+25m g+15mg+5 mg+2mg+2 mg	uống	viên nang mềm	Viên	3.600	9.500		270	
46	GN46	collagene Marin NATICOL(poisson)20 % Glutathion Extrait sec de Grenade Extrait sec de Germe de blé	2000mg+20 0mg+50mg +40mg+30 mg+20mg+ 12.50mg+1 0mg+8.25m	uống	viên nang	Viên	3.000	21.000		270	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiền độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
		VitamineC Extrait sec de Pepins de Raisin Zinc Oxyde dontZinc Levure enrichie en selenium 0,2% Dontselenium:	g+ 16,55mcg								
47	GN47	Glutathione; Acide alpha lipoque; Betaglucan; Vitamin C	1200mg+50 mg+20mg+10mg	uống	viên nang	Viên	3.500	12.000		270	
48	GN48	Calcio; Inulina 90%; Magnesio; Vitamina D3; Vitamina K2	480mg+20 mg+4mg+24mcg+20mcg	uống	viên nang mềm	Viên	3.000	3.840		270	
49	GN49	Krill Oil (Omega-3 Fatty Acids; EPA (Eicosapentaenoic Acid); DHA (Docosahexaenoic Acid)); Phospholipids; Astaxanthin Esters	300mg+165 mg+40mg	uống	viên nang mềm	Viên	3.300	7.840		270	
50	GN50	Chiết xuất bột Đông Trùng Hạ Thảo	600mg	uống	viên nang mềm	Viên	2.500	8.600		270	
51	GN51	thực địa, hoài sơn, đương quy, cao đặc rễ trạch tả, cao đặc hà thủ ô đỏ, cao	125mg+160 mg+160mg +40mg+40 mg+50mg+	uống	viên nang cứng	Viên	2.000	9.500	4	270	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiền độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
		đặc hạt thảo quyết minh,cao đặc hoa cúc hoa vàng, cao đặc quả hạ khô thảo	24mg+12,5 mg								
52	GN52	Fish oil- natural (dầu cá tự nhiên) Tương đương Omega-3 marine triglycerides (tương đương: eicosapentaenoic acid (EPA) Và: docosahexaenoic acid (DHA) Evening Primrose oil (dầu hoa anh thảo) Tương đương acid gamma-linolenic (GLA) Linseed oil (dầu hạt lanh) Ubidecarenone (Coenzyme Q10)	333mg+100 mg+60mg+40mg+333 mg+33,3mg +333mg+15 mg	uống	viên nang mềm	Viên	2.000	2.629		270	
53	GN53	Fish oil- natural (dầu cá tự nhiên) Tương đương Omega-3 marine triglycerides (tương đương: eicosapentaenoic acid (EPA)	1000mg+180mg+120mg	uống	viên nang mềm	Viên	3.000	1.800		270	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiền độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
		Và: docosahexaenoic acid (DHA)									
54	GN54	Vitamin A Beta-karoten / Beta-karoten Vitamin E Vitamin C Thiamin/Vitamin B1 Riboflavin/Vitamin B2 Niacin / Niacin Kyselina pantothenova Vitamin B6 Vitamin B12 Vitamin D3 Vitamin K Biotin/Biotin Kyselina listova vapnik/vapnik Fosfor Jod Zeležo Zinek/Zinok Horcik/Horcik Mangan/Mangan Chrom/Chrom	800mcg+0,2mg+12mg +120mg+1,1mg+1,4mg +16mg+6mg+1,4mg+2,5mcg+5mcg+50mcg+200mcg+162mg+125mcg+100mcg+14mg+10mg+100mg+2mg+40mcg+50mcg+55mcg+0,125mg+10mg+40mg+1mg	uống	viên nén	Viên	2.500	6.500		270	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiền độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
		Molybden/Molybden Selen/Selen lutein / Luiein Activin / Activin (extrakt ze semen vinne reyy) Echinacea (ve forme extraktu z korene 4 : 1-10mg)" Med/Med									
55	GN55	Vitamin A Beta-karoten / Beta-karoten Vitamin E Vitamin C Thiamin/Vitamin B1 Riboflavin/Vitamin B2 Niacin / Niacin Kyselina pantothenova / Kyselina pantotenova Vitamin B6 Vitamin B12 Vitamin D3 Vitamin K Biotin/Biotin Kyselina Listova vapnlk/vapnlk	800mcg+0.4mg+18mg+120mg+1,65mg+2,1mg+24mg+9mg+2,1mg+3mcg+10mcg+75mcg+300mcg+162mg+125mcg+100mcg+2,1mg+5mg+100mg+2mg+40mcg+50mcg+30mcg+100mg+40mg+1mg	uống	viên nén	Viên	2.000	2.500		270	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
		Fosfor Jod Zetezo Zinek/Zinok HoKik/HorCik Mangan/Mangan Chrom/Chrom MolytxJen/Motytxien Selen/Selen Sibirsky JenJen - extrakt z koi ene (10: 1)/Sibirsky zenSen - extrakt z toreana (10:1) Ginkgo biloba - extra z listu(24% glykosidu, 6% terpenolaktonu)/ extrakt z listov (24% glykozidov, 6%terpenolaktonu) lutein / Luiein									
56	GN56	Beta-glucan từ nấm men 80% 9 chủng lợi khuẩn sinh acid lactic: Chứa 1 tỷ lợi khuẩn (Pediococcus acidolactici, Lactobacillus helveticus,	206mg (Chứa 150mg beta- glucan+ 1 tỉ lợi khuẩn+ 20mcg +5mcg (200IU)	uống	viên nang	Viên	2.000	9.000		270	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiền độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
		Lactobacillus plantarum, Bifidobacterium longum, Lactobacillus rhamnosus, Lactobacillus casei ssp paracasei, Streptococcus thermophilus, Bifidobacterium infantis, Bifidobacterium bifidum, có thể chứa sữa); Selen (từ natri selenit pentahydrate 0,02mg và selen nấm men 2,75mg) Vitamin D3									

- Bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu (nếu có) trong Bảng yêu cầu kỹ thuật là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu, Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tiêu chuẩn, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “ưu việt hơn” so với các yêu cầu tối thiểu.

- Trong yêu cầu về kỹ thuật, nếu cụm từ “tương đương” được mô tả sau các yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa thì được hiểu tương đương về đặc tính kỹ thuật, tiêu chuẩn công nghệ, nếu cụm từ “tương đương” được mô tả sau các yêu cầu về chức năng của hàng hóa thì được hiểu tương đương về tính năng sử dụng

Mục 4. Kiểm tra và thử nghiệm: Không

Nhà thầu có cam kết là sẽ chấp nhận các kiểm tra và thử nghiệm của chủ đầu tư, nếu hàng hóa không đúng nội dung, hoặc chất lượng kém, hoặc đã hết hạn sử dụng, sẽ thay đổi hàng cho chủ đầu tư

